

Công ty Cổ phần Licogi 166

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



Building a better
working world

Công ty Cổ phần Licogi 166

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 32

Công ty Cổ phần Licogi 166

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102264629 (số cũ: 0103017362) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 5 năm 2007. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận sửa đổi sau đó, với thay đổi gần nhất là lần thứ 11 ngày 4 tháng 12 năm 2014.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội kể từ ngày 21 tháng 1 năm 2013 theo Quyết định số 15/QĐ-SGDHN do Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội ký ngày 10 tháng 1 năm 2012.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện hành là đầu tư xây dựng và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công nghiệp và dân dụng; cho thuê thiết bị xây lắp kỹ thuật; khai thác và kinh doanh đá xây dựng; và các hoạt động khác như đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Công Hưng	Chủ tịch
Ông Bùi Dương Hùng	Thành viên
Ông Trần Đình Tuấn	Thành viên
Ông Vũ Đình Dũng	Thành viên
Ông Lê Văn Hoạch	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Đồng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hường	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Công Hưng	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Long Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Công Hưng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Licogi 166

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Vũ Công Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60992763/17684328

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Licogi 166

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 28 tháng 3 năm 2016 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hải Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0402-2013-004-1

Nguyễn Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		141.644.255.646	103.423.582.542
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	6.272.871.270	2.627.951.289
111	1. Tiền		1.444.871.270	2.627.951.289
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.828.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		950.000.000	-
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	950.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		116.148.711.967	86.055.520.148
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	78.014.338.308	64.211.364.342
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	27.543.669.169	12.411.736.184
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	11.061.382.703	9.666.664.122
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(470.678.213)	(234.244.500)
140	III. Hàng tồn kho	8	17.631.857.505	14.242.849.177
141	1. Hàng tồn kho		17.631.857.505	14.242.849.177
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		640.814.904	497.261.928
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	640.814.904	497.261.928
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		64.799.625.422	53.314.144.200
220	I. Tài sản cố định		37.050.303.116	37.841.843.822
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	37.050.303.116	37.841.843.822
222	Nguyên giá		83.343.838.653	82.199.243.278
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(46.293.535.537)	(44.357.399.456)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		7.463.102.362	15.391.408.496
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	7.463.102.362	15.391.408.496
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	19.972.396.383	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		20.000.000.000	-
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(27.603.617)	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		313.823.561	80.891.882
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	313.823.561	80.891.882
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		206.443.881.068	156.737.726.742

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		142.735.539.063	94.008.335.312
310	I. Nợ ngắn hạn		140.889.117.320	91.674.561.319
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	4.776.858.417	20.664.780.793
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	62.459.558.217	584.161.499
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.286.915.598	941.775.684
314	4. Phải trả người lao động		2.523.065.669	1.540.391.212
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.416.213.138	2.071.904.436
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	7.402.143.594	11.573.117.627
320	7. Vay ngắn hạn	17	53.121.511.200	46.224.130.581
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	6.347.970.174	6.914.970.174
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	554.881.313	1.159.329.313
330	II. Nợ dài hạn		1.846.421.743	2.333.773.993
337	1. Phải trả dài hạn khác		147.671.743	173.773.993
338	2. Vay dài hạn	17	1.698.750.000	2.160.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		63.708.342.005	62.729.391.430
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	63.708.342.005	62.729.391.430
411	1. Vốn cổ phần	20.1	76.000.000.000	76.000.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		76.000.000.000	76.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	20.1	7.616.480.409	7.616.480.409
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	20.1	9.163.236.123	9.163.236.123
421	4. Lỗ lũy kế	20.1	(29.071.374.527)	(30.050.325.102)
421a	- (Lỗ)/lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(30.050.325.102)	7.651.141.047
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ) năm nay		978.950.575	(37.701.466.149)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		206.443.881.068	156.737.726.742



Đào Lan Tuyết
Người lập



Hà Thị Huệ
Kế toán trưởng



Vũ Công Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	155.734.888.409	79.211.365.430
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	155.734.888.409	79.211.365.430
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(140.427.928.212)	(102.328.828.539)
20	5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.306.960.197	(23.117.463.109)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	307.176.364	33.248.224
22	7. Chi phí tài chính	23	(4.900.340.026)	(5.011.965.096)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(4.872.736.409)	(5.011.965.096)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(70.539.076)	(210.228.081)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(9.793.644.991)	(9.441.354.481)
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		849.612.468	(37.747.762.543)
31	11. Thu nhập khác		129.338.107	46.296.394
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		129.338.107	46.296.394
50	14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		978.950.575	(37.701.466.149)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	-
60	16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		978.950.575	(37.701.466.149)



Đào Lan Tuyết
Người lập



Hà Thị Huệ
Kế toán trưởng




Vũ Công Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		217.115.934.615	105.221.010.776
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(186.014.668.345)	(86.372.662.262)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(13.244.274.659)	(15.714.903.860)
04	Tiền chi trả lãi vay		(4.860.703.161)	(4.872.750.051)
05	Tiền nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(925.632.321)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.596.166.802	3.326.471.233
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.884.043.976)	(4.011.191.455)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		11.708.411.276	(3.349.657.940)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(15.168.751.452)	-
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.490.909.090	1.652.000.000
23	Tiền chi mua khoản đầu tư ngắn hạn		(950.000.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		128.220.448	33.248.224
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(14.499.621.914)	1.685.248.224
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		103.824.496.685	71.323.651.349
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(97.388.366.066)	(71.194.956.460)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		6.436.130.619	128.694.889
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.644.919.981	(1.535.714.827)
60	Tiền đầu năm		2.627.951.289	4.163.666.116
70	Tiền cuối năm	4	6.272.871.270	2.627.951.289


Đào Lan Tuyết
Người lập


Hà Thị Huệ
Kế toán trưởng


Vũ Công Hưng
Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102264629 (số cũ: 0103017362) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 5 năm 2007. Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận sửa đổi sau đó, với thay đổi gần nhất là lần thứ 11 ngày 4 tháng 12 năm 2014.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội kể từ ngày 21 tháng 1 năm 2013 theo Quyết định số 15/QĐ-SGDHN do Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội ký ngày 10 tháng 1 năm 2012.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện hành là đầu tư xây dựng và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công nghiệp và dân dụng; cho thuê thiết bị xây lắp kỹ thuật; khai thác và kinh doanh đá xây dựng; và các hoạt động khác như đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 78 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 90 người).

Công ty có một công ty con là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Vật liệu Xây dựng Licogi 166. Công ty con này là được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam dựa trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3001932226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 8 tháng 9 năm 2015. Công ty con này có trụ sở chính tại mỏ đá Cụp Đụn, phường Kỳ Phương, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty con này là khai thác đá, cát, sỏi và đất sét.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nắm giữ 100% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công văn số 1419/UBCK-PTTT – Hướng dẫn Thông tư số 52/2012/TT-BTC. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cần lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Công ty đã hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này vào ngày 28 tháng 3 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng này nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm kết thúc cùng ngày để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC như trình bày trong đoạn bên dưới.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 28.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu, nhân công, chi phí cho thuê phụ và các chi phí có liên quan khác của các công trình xây lắp chưa được chủ đầu tư nghiệm thu xác nhận khối lượng tại ngày lập báo cáo tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Trang thiết bị văn phòng	5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Đầu tư vào công ty con* (tiếp theo)

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của khoản đầu tư vào công ty con tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 *Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây lắp*

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Công ty trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp theo quy định trong hợp đồng với khách hàng nhưng tối đa không vượt quá 5% trên tổng giá trị công trình xây lắp.

3.12 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ và xây lắp

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng xây lắp đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với khối lượng công việc đã hoàn thành thực tế vào ngày kết thúc năm tài chính và đã được khách hàng xác nhận khối lượng đã hoàn thành tại thời điểm đó. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

3.16 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của năm tài chính ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	129.907.658	203.444.556
Tiền gửi ngân hàng	1.314.963.612	2.424.506.733
Các khoản tương đương tiền	4.828.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>6.272.871.270</u>	<u>2.627.951.289</u>

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi bằng VND có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-chi nhánh Hà Nội và hưởng lãi suất 3,7%/năm.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi bằng VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, với kỳ hạn 1 năm từ ngày 14 tháng 9 năm 2015 đến ngày 14 tháng 9 năm 2016 và hưởng lãi suất 6%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ khách hàng	6.508.169.141	6.860.349.007
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	71.506.169.167	57.351.015.335
TỔNG CỘNG	<u>78.014.338.308</u>	<u>64.211.364.342</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(470.678.213)	(234.244.500)

6.2 Trả trước cho người bán

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho người bán		
- Công ty Cổ phần Cơ khí Hải Thanh	3.592.775.000	-
- Công ty TNHH Sao Thổ Hà Tĩnh	8.452.132.884	10.675.125.184
- Công ty TNHH Trường Thịnh Phát	3.183.424.874	-
- Các khoản trả trước khác	4.431.727.250	1.736.611.000
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	7.883.609.161	-
TỔNG CỘNG	<u>27.543.669.169</u>	<u>12.411.736.184</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm (Trình bày lại)</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Đặt cọc	-	-	600.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	10.147.586.083	-	4.821.178.647	-
Phải thu khác	913.796.620	-	4.245.485.475	-
TỔNG CỘNG	11.061.382.703	-	9.666.664.122	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	<i>11.061.382.703</i>	<i>-</i>	<i>9.066.664.122</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>600.000.000</i>	<i>-</i>

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên vật liệu	1.085.492.571	-	2.456.732.121	-
Công cụ, dụng cụ	125.245.319	-	92.534.205	-
Công trình xây lắp dở dang (*)	16.421.119.615	-	11.693.582.851	-
TỔNG CỘNG	17.631.857.505	-	14.242.849.177	-

(*) Công trình xây lắp dở dang tại ngày lập báo cáo tài chính riêng bao gồm chi phí xây lắp chưa được nghiệm thu của các công trình sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Công trình</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Bê tông đĩnh đập – Bán Chát	3.871.872.319	9.847.897.405
Quốc lộ 1A – Quảng Trị	7.824.333.639	1.662.963.629
Hạ Long – Vân Đồn	2.201.259.323	-
Kè bảo vệ Sông Hậu	2.443.550.208	27.000.000
Trung tâm thông tin miền Trung – Đà Nẵng	80.104.126	155.721.817
TỔNG CỘNG	16.421.119.615	11.693.582.851

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	10.389.871.961	60.588.469.095	10.830.456.842	390.445.380	82.199.243.278
- Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	-	5.610.706.993	-	-	5.610.706.993
- Thanh lý	(1.835.615.314)	(2.413.493.506)	(217.002.798)	-	(4.466.111.618)
Số cuối năm	8.554.256.647	63.785.682.582	10.613.454.044	390.445.380	83.343.838.653
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	13.550.934.997	9.363.690.409	341.545.380	23.256.170.786
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	1.790.179.490	32.534.932.830	9.668.424.041	363.863.095	44.357.399.456
- Khấu hao trong năm	306.183.042	4.070.558.627	645.064.137	9.780.000	5.031.585.806
- Thanh lý	(595.546.604)	(2.282.900.324)	(217.002.797)	-	(3.095.449.725)
Số cuối năm	1.500.815.928	34.322.591.133	10.096.485.381	373.643.095	46.293.535.537
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	8.599.692.471	28.053.536.265	1.162.032.801	26.582.285	37.841.843.822
Số cuối năm	7.053.440.719	29.463.091.449	516.968.663	16.802.285	37.050.303.116
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để cầm cố /thế chấp	7.053.440.718	26.880.448.225	412.533.333	-	34.346.422.276

Một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 34.346.422.276 VND được Công ty sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Quyền sử dụng đất tại Nhơn Trạch - Đồng Nai	1.035.213.000	1.035.213.000
Máy móc thiết bị thi công chờ kiểm định	6.427.889.362	-
Mỏ đá Sao Thổ, Hà Tĩnh (*)	-	14.356.195.496
TỔNG CỘNG	<u>7.463.102.362</u>	<u>15.391.408.496</u>

(*) Trong năm 2015, toàn bộ chi phí xây dựng cơ bản dở dang thuộc dự án Mỏ đá Sao Thổ, Hà Tĩnh đã được Công ty sử dụng để góp vốn thành lập công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Licogi 166.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

<i>Tên công ty</i>	<i>Số cuối năm</i>	
	<i>Giá trị (VND)</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế và biểu quyết (%)</i>
Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Licogi 166	20.000.000.000	100%
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	<u>(27.603.617)</u>	
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>19.972.396.383</u>	

Xem chi tiết thông tin về công ty con của Công ty tại Thuyết minh số 1.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa máy móc	148.356.333	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	387.483.002	158.605.167
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	62.800.000	179.667.086
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	42.175.569	158.989.675
TỔNG CỘNG	<u>640.814.904</u>	<u>497.261.928</u>
Dài hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	233.300.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	80.523.561	80.891.882
TỔNG CỘNG	<u>313.823.561</u>	<u>80.891.882</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho người bán				
- Công ty Cổ phần Khai thác Đá Hưng Thịnh	1.416.208.880	1.416.208.880	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đại Thành	662.215.117	662.215.117	-	-
- Công ty Cổ phần CONECO Miền Trung	-	-	8.201.726.400	8.201.726.400
- Công ty Cổ phần Cơ khí Hải Thanh	-	-	2.471.410.046	2.471.410.046
- Phải trả cho người bán khác	2.231.209.282	2.231.209.282	4.473.430.501	4.473.430.501
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	467.225.138	467.225.138	5.518.213.846	5.518.213.846
TỔNG CỘNG	<u>4.776.858.417</u>	<u>4.776.858.417</u>	<u>20.664.780.793</u>	<u>20.664.780.793</u>

13.2 Người mua trả tiền trước

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Công ty Cổ phần BOT Biên Cương	62.166.635.400
Đối tượng khác	292.922.817	584.161.499
TỔNG CỘNG	<u>62.459.558.217</u>	<u>584.161.499</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	429.387.257	1.667.940.599	1.042.818.384	1.054.509.472
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26.1)	65.739.762	-	-	65.739.762
Thuế thu nhập cá nhân	445.566.775	167.349.604	447.331.905	165.584.474
Các loại thuế khác	1.081.890	-	-	1.081.890
TỔNG CỘNG	<u>941.775.684</u>	<u>1.835.290.203</u>	<u>1.490.150.289</u>	<u>1.286.915.598</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay trích trước	89.551.454	77.518.206
Chi phí thường cho nhân viên	-	605.000.000
Chi phí nhân công, thuê máy, mua bê-tông	2.326.661.684	1.298.477.139
Các khoản khác	-	90.909.091
TỔNG CỘNG	<u>2.416.213.138</u>	<u>2.071.904.436</u>

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Khoản ứng trước từ Công ty Cổ phần Licogi 16	3.700.000.000	3.700.000.000
Tiền phạt chậm nộp thuế	-	492.603.560
Bảo hiểm xã hội, y tế	157.885.010	3.912.136.150
Kinh phí công đoàn	363.231.038	338.739.477
Cổ tức phải trả	39.070.600	39.355.600
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	304.591.035	307.000.000
Phải trả tạm ứng thiếu của nhân viên	1.412.501.007	1.351.294.554
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.424.864.904	1.431.988.286
TỔNG CỘNG	<u>7.402.143.594</u>	<u>11.573.117.627</u>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả khác</i>	3.642.945.028	7.873.117.627
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 27)</i>	3.759.198.566	3.700.000.000

Công ty Cổ phần Licogi 166

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	44.744.130.581	44.744.130.581	100.624.496.685	95.908.366.066	49.460.261.200	49.460.261.200	
Nợ dài hạn đến hạn phải trả	1.480.000.000	1.480.000.000	3.661.250.000	1.480.000.000	3.661.250.000	3.661.250.000	
	46.224.130.581	46.224.130.581	104.285.746.685	97.388.366.066	53.121.511.200	53.121.511.200	
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng	2.160.000.000	2.160.000.000	3.200.000.000	3.661.250.000	1.698.750.000	1.698.750.000	
	2.160.000.000	2.160.000.000	3.200.000.000	3.661.250.000	1.698.750.000	1.698.750.000	
TỔNG CỘNG	48.384.130.581	48.384.130.581	107.485.746.685	101.049.616.066	54.820.261.200	54.820.261.200	

17.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Đơn vị tính: VND
	Số cuối năm	Số cuối năm				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	49.460.261.200	49.460.261.200	Từ 8 đến 9 tháng, đảo hạn từ ngày 7 tháng 5 năm 2016 đến ngày 25 tháng 8 năm 2016	9,2%-10%	Nhà văn phòng, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải	
TỔNG CỘNG	49.460.261.200	49.460.261.200				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	5.360.000.000	48 tháng, đáo hạn từ quý I năm 2016 đến quý IV năm 2019	10,5%	Máy móc, thiết bị
<i>Trong đó:</i>				
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>3.661.250.000</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	<i>1.698.750.000</i>			

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Thay đổi khoản dự phòng bảo hành công trình được trình bày như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Dự phòng chi phí bảo hành</i>
Số đầu năm	6.914.970.174
- Tăng trong kỳ	-
- Sử dụng trong kỳ	567.000.000
Số cuối năm	<u>6.347.970.174</u>

Dự phòng bảo hành công trình xây lắp được xác định theo quy định trong hợp đồng với khách hàng. Số dư dự phòng chủ yếu liên quan đến Công trình Thủy điện Bản Chát, được trích ở mức 3% trên tổng doanh thu từ công trình này (không bao gồm phần khối lượng thuộc trách nhiệm bảo hành của thầu phụ).

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.159.329.313	2.166.789.647
Chi trong năm	(604.448.000)	(1.007.460.334)
Số cuối năm	<u>554.881.313</u>	<u>1.159.329.313</u>

Công ty Cổ phần Licogi 166

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗ lũy kế	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm (Trình bày lại)	76.000.000.000	7.616.480.409	9.163.236.123	7.705.074.962	100.484.791.494
- Lỗ trong năm	-	-	-	(37.701.466.149)	(37.701.466.149)
- Giảm khác	-	-	-	(53.933.915)	(53.933.915)
Số cuối năm	<u>76.000.000.000</u>	<u>7.616.480.409</u>	<u>9.163.236.123</u>	<u>(30.050.325.102)</u>	<u>62.729.391.430</u>
Năm nay					
Số đầu năm	76.000.000.000	7.616.480.409	9.163.236.123	(30.050.325.102)	62.729.391.430
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	978.950.575	978.950.575
Số cuối năm	<u>76.000.000.000</u>	<u>7.616.480.409</u>	<u>9.163.236.123</u>	<u>(29.071.374.527)</u>	<u>63.708.342.005</u>

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn góp	76.000.000.000	76.000.000.000	76.000.000.000	76.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	7.616.480.409	7.616.480.409	7.616.480.409	7.616.480.409
TỔNG CỘNG	83.616.480.409	83.616.480.409	83.616.480.409	83.616.480.409

20.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2014: 10.000 VND).

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	155.734.888.409	79.211.365.430
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	7.552.041.163	55.189.113.382
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.583.035.160	8.310.245.594
Doanh thu hợp đồng xây dựng	146.599.812.086	15.712.006.454
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	155.734.888.409	79.211.365.430
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên thứ ba	23.199.176.594	19.002.644.958
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 27)	132.535.711.815	60.208.720.472

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU (tiếp theo)

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tiếp theo)

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm và tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu được ghi nhận trong năm của hợp đồng xây dựng đã hoàn thành	1.492.637.373	-
Doanh thu được ghi nhận trong năm của hợp đồng xây dựng đang thực hiện	145.107.174.713	15.712.006.454
TỔNG CỘNG	<u>146.599.812.086</u>	<u>15.712.006.454</u>
Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện đến ngày cuối năm	152.981.646.749	15.712.006.454

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi và thu nhập tài chính khác	307.176.364	33.248.224
TỔNG CỘNG	<u>307.176.364</u>	<u>33.248.224</u>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.443.677.160	54.903.254.158
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.176.343.980	9.418.448.350
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	131.807.907.072	38.007.126.031
TỔNG CỘNG	<u>140.427.928.212</u>	<u>102.328.828.539</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	4.872.736.409	5.011.965.096
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	27.603.617	-
TỔNG CỘNG	<u>4.900.340.026</u>	<u>5.011.965.096</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	70.539.076	210.228.081
	70.539.076	210.228.081
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	5.522.665.862	5.853.432.945
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.270.979.129	3.587.921.536
	9.793.644.991	9.441.354.481
TỔNG CỘNG	9.864.184.067	9.651.582.562

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (trình bày lại)</i>
Chi phí nguyên vật liệu	87.686.220.956	75.117.801.805
Chi phí nhân công	15.464.484.404	12.825.265.077
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.031.585.806	8.003.241.415
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.464.216.246	14.247.412.534
Chi phí khác	3.645.604.867	1.786.690.270
TỔNG CỘNG	150.292.112.279	111.980.411.101

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	978.950.575	(37.701.466.149)
<i>Các điều chỉnh lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</i>		
Thù lao của Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành	204.000.000	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	1.182.950.575	(37.701.466.149)
Lỗ năm trước chuyển sang	(1.182.950.575)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	-	-
Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	65.739.762	991.372.083
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	(925.632.321)
Thuế TNDN phải trả cuối năm (Thuyết minh số 14)	65.739.762	65.739.762

26.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 36.518.515.574 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 37.701.466.149 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2015</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2015</i>
2014	2019	(*) 37.701.466.149	1.182.950.575	-	36.518.515.574
TỔNG CỘNG		37.701.466.149	1.182.950.575	-	36.518.515.574

(*) Lỗ tính thuế theo tờ khai quyết toán thuế cho năm 2014 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ nêu trên do không thể dự tính chắc chắn lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Licogi 16	Cổ đông chính	Doanh thu bán đá	7.552.041.163	42.779.578.000
		Doanh thu xây lắp	123.609.148.108	11.801.556.170
		Doanh thu cho thuê thiết bị	1.374.522.544	5.481.695.962
		Phải thu chuyển sang từ Chi nhánh Công ty Cổ phần Licogi 16 tại Lai Châu	16.456.439.203	-
		Chi nhánh Công ty Cổ phần Licogi 16 tại Hà Nội	Cùng tập đoàn	Doanh thu cung cấp điện nước
Chi nhánh Công ty Cổ phần Licogi 16 tại Lai Châu	Cùng tập đoàn	Doanh thu cung cấp điện nước	-	17.453.772
		Các khoản phí phải trả	-	1.798.963.770
Công ty Cổ phần Licogi 13 – Vật liệu Xây dựng	Cùng tập đoàn	Doanh thu cung cấp điện nước	-	20.274.830
		Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	3.132.024.938	-
Công ty Cổ phần Licogi 17	Cùng tập đoàn	Doanh thu cung cấp điện nước	-	85.560.762
Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Licogi 166	Công ty con	Ứng trước mua nguyên vật liệu	7.883.609.161	-
		Góp vốn bằng tài sản	20.000.000.000	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan cũng như mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (năm 2014: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Licogi 16	Cổ đông chính	Doanh thu xây lắp	71.431.788.993	38.890.071.011
Chi nhánh Công ty Cổ phần Licogi 16 tại Lai Châu	Cùng tập đoàn	Doanh thu xây lắp	-	18.255.402.973
Công ty Cổ phần Licogi 13 – Xây dựng và Kỹ thuật Công trình	Cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	74.380.174	194.380.174
Công ty Cổ phần Licogi 17	Cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	-	9.755.822
Công ty Cổ phần Licogi 6	Cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	-	1.405.355
			71.506.169.167	57.351.015.335
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)				
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Licogi 166	Công ty con	Ứng trước mua nguyên vật liệu	7.883.609.161	-
			7.883.609.161	-
Phải thu khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Licogi 16	Cổ đông chính	Đặt cọc	-	600.000.000
			-	600.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Licogi 16 tại Lai Châu	Cùng tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	-	1.798.963.770
Công ty Cổ phần Licogi 13 - Vật liệu Xây dựng	Cùng tập đoàn	Mua nguyên vật liệu và thiết bị	467.225.138	3.719.250.076
			467.225.138	5.518.213.846
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)				
Công ty Cổ phần Licogi 16	Cổ đông chính	Ứng trước cho Công ty	3.700.000.000	3.700.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 15	Cùng tập đoàn	Phải trả về hợp đồng xây dựng	59.198.566	-
			3.759.198.566	3.700.000.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Ban Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	1.125.813.001	2.064.597.750
TỔNG CỘNG	1.125.813.001	2.064.597.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 200

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng của năm nay. Chi tiết như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)</i>
Bảng cân đối kế toán riêng			
Các khoản phải thu khác	4.757.817.348	4.908.846.774	9.666.664.122
Tài sản ngắn hạn khác	4.908.846.774	(4.908.846.774)	-
Quỹ dự phòng tài chính	3.172.355.934	(3.172.355.934)	-
Quỹ đầu tư phát triển	5.990.880.189	3.172.355.934	9.163.236.123
	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)</i>
Báo cáo kết quả kinh doanh riêng			
Thu nhập khác	1.501.818.181	(1.455.521.787)	46.296.394
Chi phí khác	(1.455.521.787)	1.455.521.787	-
	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây bao gồm chi phí tài chính)</i>		<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại không bao gồm chi phí tài chính và phân loại lại nguyên vật liệu mua ngoài)</i>
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố			
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.491.515.068		75.117.801.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.150.666.692		14.247.412.534
Chi phí khác	21.521.687.945		1.786.690.270

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Đào Lan Tuyết
Người lập



Hà Thị Huệ
Kế toán trưởng




Vũ Công Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016